TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/DS-ST
Ngày: 05-4-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

2. Bà Trần Thị Đúng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 452/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty A**

Địa chỉ: Số 1 Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Công Mạnh L** – sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 1 Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền lập ngày 16/3/2021).

2. Bị đơn: Ông **Phạm Thành T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: số 2 ấp 3, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông L có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/8/2020 của Công ty A và bản tự khai của ông Lê Công Mạnh L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/7/2018, ông Phạm Thành T có ký Hợp đồng cho vay số 11129453 với Công ty A (sau đây được viết tắt: Công ty A) để vay số tiền 73.000.000 (Bảy mươi ba triệu) đồng với lãi suất thỏa thuận 34%/năm để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Phạm Thành T có trách nhiệm trả số tiền 134.745.000 (Một trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 48 tháng; 47 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.801.000 đồng, tháng cuối cùng 3.098.000 đồng. Trả vào ngày 10 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 10/8/2018.

Thực hiện hợp đồng, Công ty A đã giải ngân số tiền 73.000.000 đồng cho ông T thông qua tài khoản của ông T tại Ngân hàng và tính đến ngày 06/4/2020 ông T đã trả cho Công ty A tổng số tiền là 33.668.000 đồng gồm tiền vốn gốc 13.922.700 đồng và lãi phát sinh là 19.696.300 đồng. Kể từ ngày 06/4/2020 đến nay, ông Phạm Thành T không trả thêm bất cứ khoản nào dù Công ty A đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Công ty A khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thành T trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 05/4/2022 là 133.492.524 đồng, trong đó: dư nợ gốc còn lại theo hợp đồng là 59.028.300 đồng, lãi trong hạn 41.265.862 đồng, lãi quá hạn 26.034.992 đồng và lãi quá hạn trên dư nợ lãi là 7.163.370 đồng.

Bị đơn ông Phạm Thành T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phạm Thành T có trách nhiệm trả cho Công ty A số tiền 133.492.524 đồng và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Phạm Thành T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện Bình Chánh nên, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Công Mạnh L có đơn xin vắng mặt, ông Phạm Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Linh và ông T theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tường trình và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Công ty A thì có cơ sở xác định ngày 10/7/2018 ông Phạm Thành T có ký Hợp đồng cho vay số 11129453 với Công ty A, và được Công ty A duyệt vay ngày 10/7/2018 để vay số tiền 73.000.000 đồng với lãi suất 34%/năm, thời hạn vay 48 tháng, với mục đích vay là để chi phí sửa chữa nhà, phương thức trả nợ là trả chậm theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng liên tiếp trong vòng 48 tháng liên tiếp gồm nợ gốc và lãi cộng gộp như sau: 47 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.801.000 đồng, tháng cuối cùng 3.098.000 đồng. Trả vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/8/2018.

[4] Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

[5] Theo Hợp đồng cho vay ngày 10/7/2018 giữa Công ty A với ông T thỏa thuận số tiền vay là 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng), tất toán của hợp đồng cho vay số 11129453 là ngày 10/7/2022 với tổng số tiền lãi và lãi phải trả đến ngày 10/7/2022 là 134.745.000 đồng. Ngày 10/7/2018 Công ty A đã giải ngân số tiền vay 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng) cho ông

Phạm Thành T thông qua tài khoản của ông T tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam. Như vậy, Công ty A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận.

[6] Quá trình tố tụng, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Phạm Thành T. Tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản cho biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông T không có thiện chí trong việc thanh toán các khoản tiền còn nợ cho Công ty A và không có ý thức chấp hành pháp luật.

[7] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Ông T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Công ty A xác nhận đến ngày 06/4/2020 ông Phạm Thành T đã trả nợ được số tiền 33.668.000 đồng gồm vốn gốc 13.922.700 đồng và lãi phát sinh là 19.696.300 đồng. Tính đến ngày 05/4/2022, ông Phạm Thành T còn nợ lại số tiền nợ gốc và lãi là 133.492.524 đồng trong đó vốn gốc là 59.028.300 đồn, lãi trong hạn 41.265.862 đồng, lãi quá hạn 26.034.992 đồng và lãi quá hạn trên dư nợ lãi là 7.163.370 đồng. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi theo hợp đồng đã ký.

[8] Theo quy định tại điểm 4.3 Điều 4 của Điều cơ bản của hợp đồng cho vay được ký kết giữa ông T và Công ty A quy định tiền lãi trong trường hợp bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc hoặc tiền lãi như sau: lãi trên nợ gốc theo lãi suất quy định tại hợp đồng này tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp bên vay không trả nợ đúng hạn tiền lãi theo hợp đồng thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; bất kể khoản nợ gốc của khoản thanh toán hàng tháng của bên vay mà bên cho vay không nhận được đầy đủ và đúng hạn vào ngày thanh toán… thì toàn bộ số dư nợ gốc được chuyển thành nợ quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày thanh toán của kỳ thanh toán theo lịch trả nợ và bên vay phải trả trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất áp dụng bằng 150% lãi suất theo quy định của hợp đồng. Vì vậy Công ty A yêu cầu ông T trả tiền vốn gốc và lãi còn nợ của hợp đồng tín dụng như trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty A.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ

luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

2. Buộc ông Phạm Thành T có trách nhiệm trả cho Công ty A số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/4/2022 là 133.492.524 (Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn năm trăm hai mươi bốn) đồng trong đó vốn gốc là 59.028.300 (Năm mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn ba trăm) đồng, lãi trong hạn 41.265.862 (bốn mươi một triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi hai) đồng, lãi quá hạn 26.034.992 (hai mươi sáu triệu không trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm chín mươi hai) đồng và lãi quá hạn trên dư nợ lãi là 7.163.370 (bảy triệu một trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi) đồng theo phương thức trả một lần.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tính từ ngày 05/4/2022 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ

quá hạn tại hợp đồng cho vay số 11129453 ngày 10/7/2018 giữa Công ty A với ông Phạm Thành T.

3. Về án phí:

3.1. Ông Phạm Thành T chịu 6.674.626 (sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm hai mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại cho Công ty A số tiền 2.154.131 (Hai triệu một trăm năm mươi bốn nghìn một trăm ba mươi mốt) đồng theo biên lai thu tạm ứng áp phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080180 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Trong thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND H. BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- Các đương sự; (3)
- Lưu: hồ sơ, VT. (3)

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Duy Linh